



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN TRẦN THÁI SƠN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Trường Minh

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp
Thạc sĩ Quản lý Kinh tế họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà
Nẵng vào ngày thángnăm 2025.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội. Nông nghiệp cung cấp những nhu cầu lương thực thiết yếu cho con người và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống và trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 5.131,5 km², bằng 1,7% diện tích tự nhiên cả nước. Quảng Ngãi có đặc điểm là núi lấn sát biển, địa hình có tính chuyển tiếp từ địa hình đồng bằng ven biển ở phía đông đến địa hình miền núi cao ở phía tây. Miền núi chiếm khoảng 3/4 diện tích tự nhiên toàn tỉnh, đồng bằng nhỏ hẹp chiếm 1/4 diện tích tự nhiên. Tài nguyên đất của Quảng Ngãi đa dạng, với sự kết hợp của đồng bằng, đồi núi và vùng ven biển. Tỉnh có nhiều loại đất, bao gồm đất phù sa dọc theo bờ sông và vùng ven biển, rất thích hợp cho nông nghiệp. Các loại đất khác bao gồm đất đỏ vàng ở vùng núi, thích hợp hơn cho một số loại hình canh tác. Sự đa dạng về các loại đất trên khắp Quảng Ngãi đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, ở tỉnh Quảng Ngãi, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng phù hợp, giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

Tuy nhiên nông nghiệp ở trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi lại phát triển chậm hơn so với một số tỉnh thành trong cả nước. Việc sử dụng nguồn tài nguyên vốn có trong nông nghiệp như đất đai, nguồn nước ở trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi còn nhiều bất cập, kém bền vững. Quảng Ngãi vẫn chưa thoát khỏi tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động chưa cao

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước (QLNN) về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từng bước được tăng cường, chú trọng trên tất cả các nội dung quản lý, đã ban hành nhiều văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực QLNN về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhiều văn bản mang tính đặc thù của địa phương, đảm bảo trình tự thủ tục quy định, từ đó đã thúc đẩy phát triển chung trong toàn ngành, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế của tỉnh. Kế hoạch sản xuất nông nghiệp cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đã tích hợp vào kế hoạch phát triển KT-XH của toàn tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức xây dựng các chính sách cụ thể đã được triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, quy định trên lĩnh vực nông nghiệp được triển khai khá toàn diện, tổ chức đa dạng hình thức, đảm bảo cơ bản việc truyền tải các thông tin chính sách, kịp thời cung cấp thông tin đến tổ chức và người dân. Công tác kiểm tra, thanh tra được cụ thể và kịp thời, hằng năm đều xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

Quá trình quản lý nhà nước về nông nghiệp trong thời gian qua bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những vướng mắc,

tồn tại hạn chế mà ngành nông nghiệp cần phải tập trung tháo gỡ, khắc phục, như: Công tác ban hành, tổ chức thực hiện văn bản QPPL mặc dù đã được quan tâm, tuy nhiên tính dự báo của các chính sách trong tỉnh chưa cao, phải sửa đổi, thay thế. Công tác lập kế hoạch chưa có sự tham gia của người dân, chất lượng chưa cao và công tác quản lý kế hoạch vẫn còn buông lỏng dẫn đến tình trạng đầu tư theo phong trào. Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách sản xuất nông nghiệp chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Công tác kiểm tra, giám sát triển khai chưa thường xuyên và kịp thời; thiếu cơ chế thu thập, phân tích thông tin kiểm tra giám sát từ xa, tính minh bạch và công khai trong hoạt động kiểm tra, giám sát còn thấp và các trường hợp vi phạm chưa được xử lý nghiêm nên dẫn đến sự chây ì của các đối tượng vi phạm.

Trước tình hình đó, cần xây dựng đề án với các giải pháp khả thi khắc phục những mặt hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp để đẩy mạnh nông nghiệp phát triển đạt hiệu quả ngày càng cao và bền vững, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng việc làm và nâng cao mức sống của nông dân. Xuất phát từ những lý do trên, tôi lựa chọn nghiên cứu đề án “*Quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi*” làm đề án tốt nghiệp thạc sỹ.

2.Mục tiêu của đề án

+ Hệ thống các vấn đề lý luận và căn cứ pháp lý của đề án về quản lý nhà nước về nông nghiệp.

- + Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2019-2024.
- + Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ yếu để của đề án Quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi.
- + Tổ chức thực hiện các giải pháp của đề án Quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Về nội dung: Đề án nghiên cứu nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Ngành nông nghiệp được đề cập nghiên cứu trong đề án gồm nhóm ngành: chăn nuôi, trồng trọt và dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi. Về không gian: Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi. Về thời gian: Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 5 năm 2019-2024. Các giải pháp và tổ chức thực hiện đến năm 2030

4. Phương pháp nghiên cứu:

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- + Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp:
- + Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp:

4.2. Phương pháp phân tích

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục các bảng biểu, danh mục các chữ viết tắt và danh mục tài liệu tham khảo, bố cục đề án gồm 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và các căn cứ pháp lý quản lý nhà nước về nông nghiệp.

Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3. Giải pháp của đề án quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

Chương 4. Tổ chức thực hiện đề án Quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm Nông nghiệp: Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực, thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp.

1.1.2. Khái niệm về quản lý nhà nước về nông nghiệp

Quản lý nhà nước: “Là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định, phát triển xã hội theo những mục tiêu mà tầng lớp cầm quyền theo đuổi. Quản lý nhà nước bao gồm toàn bộ hoạt động của cả bộ máy

nhà nước từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp vận hành như một thực thể thống nhất. Chấp hành, điều hành, quản lý hành chính do cơ quan hành pháp thực hiện đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước."

Quản lý nhà nước về nông nghiệp

Quản lý nhà nước về nông nghiệp là một tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản lượng sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trong nông nghiệp một cách hợp lý và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

1.2.1. Ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

a. Nội dung công tác ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Việc xây dựng các văn bản QPPL quy định về nông nghiệp làm cơ sở để quản lý nhà nước sau này. Cần có định hướng, xây dựng kế hoạch cụ thể để đảm bảo lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội đem lại từ thực hiện văn bản QPPL. Đồng thời, giúp cơ quan quản lý giảm thiểu mức thấp nhất những thiệt hại xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện.

b. Tiêu chí đánh giá công tác ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh:

- Các văn bản QPPL được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung quy định- Các văn bản QPPL được ban hành đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. - Các văn bản QPPL được ban hành có tính khả thi, công khai, minh bạch.
- Các văn bản QPPL được ban hành kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh
- Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp có hiệu quả cao.
- Nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp và dễ hiểu.

1.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

a. Nội dung công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Kế hoạch sản xuất nông nghiệp là cụ thể hóa chiến lược sản xuất nông nghiệp, là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp gắn với phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để chủ động sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho từng thời kỳ xác định

b. Tiêu chí đánh giá công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh:

- Quy trình xây dựng kế hoạch được thực hiện công khai, minh bạch
- Tuân thủ đầy đủ quy định về công khai kế hoạch sau khi được phê duyệt.
- Kế hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH và điều kiện thực tế của địa phương
- Hàng năm các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đều hoàn thành tốt.

1.2.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

a. Nội dung xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Chính sách nông nghiệp là chính sách bảo vệ lợi ích kinh tế của nông dân thông qua các biện pháp nhằm nâng cao thu nhập và khuyến khích nâng cao hiệu quả thông qua việc hỗ trợ họ trong quá trình cơ giới hoá, áp dụng công nghệ mới và hình thức tổ chức mới. Tính hợp lý của chính sách nông nghiệp có thể suy ra từ chính bản chất của nó: khác với công nghiệp, ngành nông nghiệp dễ bị tổn thương bởi các biến cố nằm ngoài tầm kiểm soát của nông dân như thời tiết, thị trường thế giới. Vì vậy, mức cung về nông sản biến động mạnh qua các năm và điều này làm cho giá nông sản và thu nhập của nông dân thay đổi đáng kể. Ngoài ra, cuộc cách mạng trong nông nghiệp có xu hướng làm cho cung về nông sản tăng nhanh hơn cầu, dẫn tới giá nông sản liên tục giảm và thu nhập của nông dân cũng giảm theo. Hai nguyên nhân này và những hậu quả về mặt văn

hóa - xã hội - chính trị mà chúng có thể gây ra làm cho chính sách nông nghiệp trở nên cần thiết.

b. Tiêu chí đánh giá công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh:

- Quy trình xây dựng chính sách được tuân thủ đầy đủ theo quy định
- Chính sách đảm bảo tính minh bạch, công khai sau khi được phê duyệt.
- Chính sách đảm bảo tính phù hợp, hỗ trợ phát triển sản xuất và đáp ứng nhu cầu của người nông dân.
- Việc triển khai thực hiện chính sách đảm bảo hoàn thành mục tiêu của chính sách đặt ra.

1.2.4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

a. Nội dung công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm lĩnh vực nông nghiệp gồm có các hoạt động: (i) Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm. (ii) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kiểm soát giết mổ, sơ chế biến động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y.

b. Tiêu chí đánh giá công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh:

Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra đúng qui định pháp luật

Công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính thường xuyên, liên tục
Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm đảm bảo tính
nghiêm minh

Số vụ việc vi phạm, tỷ lệ vụ việc xử phạt trên số vụ việc vi phạm

Các quy định pháp lý và các chế tài xử lý các vi phạm đủ mạnh, đủ
sức răn đe

1.3. Căn cứ pháp lý của đề án

1.3.1. Các văn bản pháp lý của trung ương

1.3.2. Các văn bản pháp lý của địa phương

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi.

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu

b. Tài nguyên thiên nhiên

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Dân số trung bình năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi đạt 1.248,11 nghìn người, tăng 2,46 nghìn người, tương đương tăng 0,20% so với năm 2023, bao gồm dân số thành thị 272,95 nghìn người, chiếm 21,87%; dân số nông thôn 975,16 nghìn người, chiếm 78,13%; dân số nam 621,38 nghìn người, chiếm 49,79%; dân số nữ 626,73 nghìn người, chiếm 50,21%. Tổng tỷ suất sinh năm 2024 đạt 2,11 con/phụ nữ, nằm trong mức sinh thay thế. Tỷ số giới tính chung của dân số

năm 2024 là 99,15 nam/100 nữ; tỷ suất sinh thô là 13,51‰; tỷ suất chết thô là 6,60‰; tỷ lệ tăng tự nhiên là 6,91‰. Tuổi thọ trung bình của dân số toàn tỉnh năm 2024 là 73,2 tuổi, trong đó nam là 70,6 tuổi và nữ là 75,9 tuổi.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 (theo giá so sánh 2010) đạt 61.556,1 tỷ đồng, tăng 5,18% so với năm 2023; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 10.045,2 tỷ đồng, tăng 3,68%, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 26.027,8 tỷ đồng, tăng 7,74%, đóng góp 3,20 điểm phần trăm (trong đó công nghiệp đạt 23.200,7 tỷ đồng, tăng 8,54%, đóng góp 3,12 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ đạt 16.927,0 tỷ đồng, tăng 5,73%, đóng góp 1,57 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 8.556,1 tỷ đồng, giảm 1,32%, làm giảm 0,20 điểm phần trăm.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt 126.934,3 tỷ đồng, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 20.405,2 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 16,08%); khu vực công nghiệp – xây dựng đạt 58.028,1 tỷ đồng (chiếm 45,71%); khu vực dịch vụ đạt 31.071,4 tỷ đồng (chiếm 24,48%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 17.429,6 tỷ đồng (chiếm 13,73%).

b. Cơ sở hạ tầng

2.1.3. Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

a. Kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2024

Năm 2020 tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 8.579.600 triệu đồng. Đến năm 2024 tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 8.579.600 triệu đồng. Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2024 so với năm 2023 là 5,6%. Năm 2020 tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 5.207.441 triệu đồng. Đến năm 2024 tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 5.209.168 triệu đồng. Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2024 so với năm 2023 là 4,27%. Năm 2020 tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 3.036.354 triệu đồng. Đến năm 2024 tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 3.800.828 triệu đồng. Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2024 so với năm 2023 là 7,27%. Năm 2020 tổng giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp đạt 335.805 triệu đồng. Đến năm 2024 tổng giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp đạt 435.557 triệu đồng. Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp năm 2024 so với năm 2023 là 7,51%.

b. Kết quả sản xuất ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2024

Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt cả năm 2024 đạt 84.338,9 ha, giảm 0,57% so với năm 2023, trong đó diện tích gieo trồng lúa đạt 74.307,3 ha, giảm 0,72%, diện tích ngô đạt 10.031,6 ha, tăng 0,51%. Sản lượng lương thực có hạt đạt 502.003 tấn, tăng 1,81% so với năm trước, trong đó sản lượng lúa đạt 443.760 tấn, tăng 1,82%,

sản lượng ngô đạt 58.243 tấn, tăng 1,80%. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 402,2 kg, tăng 6,4 kg so với năm 2023.

c. Kết quả sản xuất ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2024

Tại thời điểm 31/12/2024, đàn trâu toàn tỉnh có 66.590 con, giảm 0,83% so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 273.077 con, giảm 2,73%; đàn lợn có 385.628 con (không tính lợn con chưa tách mẹ), giảm 0,55%; đàn dê có 12.840 con, tăng 8,74%; đàn gia cầm có 5.888,3 nghìn con, tăng 1,34%. Sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng trong năm đạt 93.738 tấn, tăng 7,12% so với năm trước, trong đó sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 4.017,5 tấn, tăng 6,75%; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 22.590,1 tấn, tăng 5,46%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 47.872 tấn, tăng 5,45%; sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 18.880,5 tấn, tăng 13,96%

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Thực trạng công tác xây dựng, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy định về nông nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy: có 94,8% người được hỏi có ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí: Các văn bản QPPL được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung quy định. Có đến 56 % người được hỏi có ý kiến hoàn toàn không đồng ý với tiêu chí: Các văn bản QPPL được ban hành đảm bảo tính đồng

bộ, thống nhất. Có đến 53,3 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Các văn bản QPPL được ban hành có tính khả thi, công khai, minh bạch. Có 42,4 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Các văn bản QPPL được ban hành kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Có 44,9 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý với tiêu chí: Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp có hiệu quả cao. Có 42,7 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp và dễ hiểu

2.2.2. Thực trạng xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp

Qua kết quả khảo sát cho thấy: Kết quả khảo sát cho thấy: có 34,2% người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn kết với kế hoạch tổng thể sản xuất KT-XH chung của Tỉnh. Có đến 66,9 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Công tác quản lý kế hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Có đến 79,9 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Chất lượng kế hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất sản xuất nông nghiệp. Có 32,4 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Công tác xây dựng kế hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp đảm bảo tính khoa học, tính đồng bộ. Có 44,9 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất

nông nghiệp theo nhu cầu thực tế chưa kịp thời. Có 20 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Quy trình xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp được thực hiện công khai, minh bạch. Có 20,5 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Tuân thủ đầy đủ quy định về công khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp sau khi được phê duyệt. Có 35,5 % người được hỏi có ý kiến hoàn toàn không đồng ý với tiêu chí: Hàng năm các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đều hoàn thành tốt.

2.2.3. Thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách sản xuất nông nghiệp

Qua kết quả khảo sát cho thấy: có 34,2% người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn kết với kế hoạch tổng thể sản xuất KT-XH chung của Tỉnh. Có đến 33,2 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Quy trình xây dựng chính sách được tuân thủ đầy đủ theo quy định. Có đến 40,9 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Công tác xây dựng chính sách đảm bảo đúng yêu cầu và đúng mục tiêu. Có 43,3 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Chính sách đảm bảo tính minh bạch, công khai sau khi được phê duyệt. Có 41,4 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Chính sách đảm bảo tính phù hợp, hỗ trợ sản xuất sản xuất và đáp ứng nhu cầu của người nông dân. Có 34 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Việc triển khai thực hiện chính sách đảm bảo hoàn thành mục tiêu của chính sách đặt ra.

2.2.4. Thực trạng thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp

Qua kết quả khảo sát cho thấy: có 64,2% người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra đúng qui định pháp luật. Có đến 42,2 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí Công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính thường xuyên, liên tục. Có đến 80 % người được hỏi có ý kiến đồng ý với tiêu chí: Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm đảm bảo tính nghiêm minh. Có 42,2 % người được hỏi có ý kiến không đồng ý với tiêu chí: Các quy định pháp lý và các chế tài xử lý các vi phạm đủ mạnh, đủ sức răn đe

2.3. Đánh giá chung thực trạng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Những kết quả đạt được

Kế hoạch sản xuất nông nghiệp cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đã tích hợp vào kế hoạch phát triển KT-XH của toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, quy định trên lĩnh vực nông nghiệp được triển khai khá toàn diện, tổ chức đa dạng hình thức, đảm bảo cơ bản việc truyền tải các thông tin chính sách, kịp thời cung cấp thông tin đến tổ chức và người dân. Công tác ban hành chính sách, quy định được tập trung đầu tư nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đề ra các nội dung phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Các chính sách, quy định được tổ chức thực hiện nhất quán

từ tỉnh đến địa phương; hằng năm đều xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để triển khai thực hiện, đồng thời tổ chức đánh giá tình hình tổ chức thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và bất cập phát sinh nhằm bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Công tác kiểm tra, thanh tra được cụ thể và kịp thời, hằng năm đều xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Qua công tác kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những sai sót tăng cường tuân thủ pháp luật về các hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế

Công tác ban hành, tổ chức thực hiện văn bản QPPL mặc dù đã được quan tâm, tuy nhiên tính dự báo của các chính sách trong Nghị quyết của HĐND tỉnh chưa cao, dẫn đến thời hạn áp dụng văn bản ngắn.

Công tác lập kế hoạch chưa có sự tham gia của người dân, chất lượng chưa cao và công tác quản lý kế hoạch vẫn còn buông lỏng dẫn đến tình trạng đầu tư theo phong trào. Việc điều chỉnh kế hoạch còn chậm, chưa kịp thời, chưa gắn với chế biến và thị trường, chưa tạo được mối liên kết vùng trong sản xuất, chưa đảm bảo năng lực thích ứng, đối phó với biến đổi khí hậu.

Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách sản xuất nông nghiệp chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Chưa tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ nhận thức về khoa học và kỹ thuật canh tác của đa số người nông dân, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Công tác kiểm tra, giám sát triển khai chưa thường xuyên và kịp thời; thiếu cơ chế thu thập, phân tích thông tin kiểm tra giám sát từ xa, tính minh bạch và công khai trong hoạt động kiểm tra, giám sát còn thấp và các trường hợp vi phạm chưa được xử lý nghiêm nên dẫn đến sự chây ì của các đối tượng vi phạm.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

a. Khách quan

b. Chủ quan

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng các giải pháp

3.1.1. Quan điểm có tính định hướng khi xây dựng giải pháp

3.1.2. Mục tiêu về sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

3.1.3. Phương hướng quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi

3.2. Các giải pháp của đề án quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới

3.2.1. Hoàn thiện công tác ban hành, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về nông nghiệp

Tiếp tục rà soát, loại bỏ các văn bản pháp quy không còn phù hợp, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật và chăn nuôi không còn giá trị thực thi, phù hợp

với thẩm quyền được phân cấp.

Tăng cường công tác dự báo, đánh giá tác động của văn bản dự kiến ban hành; tranh thủ ý kiến góp ý của các chuyên gia Bộ, ngành trong quá trình xây dựng dự thảo; tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ chuyên môn về nội dung, quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để tăng thời gian hiệu lực của văn bản.

3.2.2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sản xuất nông nghiệp

Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch đảm bảo tính kịp thời, khả thi, phù hợp tình hình phát triển của địa phương, nhu cầu của tổ chức, cá nhân và hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường sự tham gia đóng góp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và người dân trong xây dựng, ban hành chính sách, quy định trên lĩnh vực nông nghiệp.

3.2.3. Triển khai thực hiện các chính sách trong sản xuất nông nghiệp

Tăng cường công khai, minh bạch, dân chủ trong việc thực hiện các chính sách; loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện TTHC theo hướng đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nội dung hướng dẫn các quy định về TTHC đồng thời thực hiện mẫu hoá, số hóa các loại giấy tờ, hiện đại hóa công tác quản lý. Tranh thủ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao

thông nông thôn, kết cấu hạ tầng xã hội khác... Từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

3.2.4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát trong hoạt động QLNN về nông nghiệp

Cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong các hoạt động nông nghiệp diễn ra trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Thanh tra Sở phối hợp với Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra liên ngành tại các huyện, các trang trại chăn nuôi ... Đồng thời, trực tiếp giám sát trở lại đối với đội ngũ cán bộ, công chức đề uồn nắn và điều chỉnh hành vi, thái độ của họ trong công tác QLNN đối với nông nghiệp, trong việc cung ứng các dịch vụ công trong nông nghiệp cho nhân dân và tổ chức. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của Tỉnh. Thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh đến năm 2030

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

4.1 Phân công thực hiện

4.1.1. Cơ quan chỉ đạo thực hiện

Ủy ban nhân dân Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, UBND các cấp thực hiện Đề án Quản lý nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi.

4.1.2. Cơ quan tổ chức thực hiện

- a. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b. Sở Tài nguyên và môi trường:
- c. Sở Kế hoạch và Đầu tư:
- d. Sở Khoa học và Công nghệ
- e. Sở Tài chính
- g. Sở Công Thương
- h. Sở Lao động Thương binh và xã hội:
- i. Sở Thông tin và truyền thông
- k. Ủy ban nhân dân các Huyện
- l. Liên minh hợp tác xã Tỉnh

4.2. Lộ trình thực hiện Đề án

4.2.1. Giai đoạn 1: 2025-2027

Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý nhà nước về nông nghiệp. Chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở sản xuất, gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Nhiệm vụ: Ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính quản lý nhà nước về quản lý nhà nước về nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của Tỉnh. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chính sách về quản lý nhà nước về nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

4.2.2. Giai đoạn 2: 2027-2030

Mục tiêu: Quản lý nhà nước về nông nghiệp theo hướng bền

vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Nhân rộng các mô hình liên kết hiệu quả

Nhiệm vụ: Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp, Tập trung nguồn lực phát triển sản phẩm theo hướng chủ lực, đặc trưng của Tỉnh. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

4.3. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện Đề án quản lý nhà nước về nông nghiệp tại trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các ban, ngành, địa phương trên địa bàn Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Đề nền nông nghiệp Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi có thể phát triển tốt hơn trong thời gian tới cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến địa phương nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân.

Nông nghiệp luôn là ngành chủ đạo trong việc phát triển kinh tế - xã hội của toàn Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy trong những năm qua, sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương và sự phấn đấu vươn lên của các hộ nông dân, cơ sở sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp đã giúp cho nền nông nghiệp của Tỉnh bước đầu đạt những kết quả đáng khích lệ, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, hình thành nền nông nghiệp theo xu hướng sản

xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu cây trồng con vật nuôi từng bước mang lại hiệu quả, tăng thu nhập cho người nông dân, góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị - xã hội và bảo vệ môi trường.

Tỉnh Quảng Ngãi đang trong quá trình đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, nên, cùng với những thuận lợi của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập sâu rộng, công tác QLNN về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cũng như chịu nhiều tác động từ những yếu tố của điều kiện tự nhiên và KT- XH; bên cạnh đó, phạm vi, đối tượng QLNN đối với nông nghiệp vừa rộng vừa có quan hệ với nhiều ngành ngành, lĩnh vực KT-XH khác, làm tăng thêm sự phức tạp trong công tác quản lý ngành.

Vì vậy, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời gian đến, đòi hỏi công tác QLNN về nông nghiệp phải được hoàn thiện, nâng cao hơn nữa, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nêu trên phải triệt để và có hiệu quả; đồng thời, không ngừng cải tiến, đổi mới công tác QLNN đối với nông nghiệp trên địa tỉnh và có sự chuẩn bị từng bước các nguồn lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của phát triển nông nghiệp.

Với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá và tổng hợp, đề án đã tập trung giải quyết một số nội dung sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá một số nội dung về nông nghiệp, QLNN đối với nông nghiệp của chính quyền cấp tỉnh.

Thứ hai, đánh giá khái quát đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thứ ba, Phân tích thực trạng QLNN về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xác định những kết quả đạt được, nguyên nhân và những hạn chế trong QLNN đối với nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác QLNN; xây dựng quan điểm, mục tiêu và phương hướng QLNN của tỉnh trong thời gian đến, đề án đề xuất một hệ thống giải pháp và cách thức tổ chức thực hiện QLNN đối với nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

Để nền nông nghiệp Trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi có thể phát triển tốt hơn trong thời gian tới cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ cấp trung ương đến địa phương nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhưng do năng lực, kinh nghiệm người nghiên cứu có hạn nên chưa bao quát hết được lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nên việc đưa ra các đề xuất có thể chưa sâu, sát ở một số trường hợp; chưa phân tích được sâu những khía cạnh liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy, cô, các độc giả, để đề án hoàn thiện hơn.